

Số: 182/2026/QĐST-HNGĐ

Đồng Nai, ngày 03 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI

Căn cứ các Điều 212, 213, 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 369/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2026 về việc “Thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị **Nguyễn Thị Hiếu T**, sinh năm 1998

Địa chỉ thường trú: Tổ B, ấp F, xã X, tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú: Đường D, ấp C, xã Đ, tỉnh Đồng Nai.

Anh **Trần Quang T1**, sinh năm 2000

Địa chỉ thường trú: 1A đường số C, khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Đường D, ấp C, xã Đ, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Chị Nguyễn Thị Hiếu T và anh Trần Quang T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Được UBND phường T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 59 ngày 28/7/2022 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong thời kỳ hôn nhân, anh T1 và chị T có 01 con chung là cháu Trần Nguyễn Đoan T2, sinh ngày 06/8/2022. Quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc nên anh T1 và chị T thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận cho anh chị thuận tình ly hôn.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai đã tiến hành hòa giải đoàn tụ đối với anh Trần Quang T1 và chị Nguyễn Thị Hiếu T nhưng không thành; Các đương sự thống nhất thuận tình ly hôn và đã thỏa thuận

được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề liên quan. Thỏa thuận của các đương sự ghi nhận tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 26 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quang T1 và chị Nguyễn Thị Hiếu T thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh T1 và chị T có 01 con chung là cháu Trần Nguyễn Đoan T2, sinh ngày 06/8/2022. Anh T1 và chị T thống nhất giao con chung cháu T2 cho chị T nuôi dưỡng và anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật đến ngày cháu T2 thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Anh T1 được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Quang T1 và chị Nguyễn Thị Hiếu T mỗi người chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự về hôn nhân và gia đình là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quang T1 và chị Nguyễn Thị Hiếu T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Nguyễn Đoan T2, sinh ngày 06/8/2022 cho chị T nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật đến ngày cháu T2 thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Anh T1 được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người

trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.
- Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

2. Về lệ phí: Anh Trần Quang T1 và chị Nguyễn Thị Hiếu T mỗi người phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh T1 và chị T đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005002 ngày 10/3/2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 – Đồng Nai. Anh T1 và chị T đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 2 – Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
(Phòng thi hành án dân sự
khu vực 2 – Đồng Nai);
- UBND xã (phường) nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Nguyên Vũ